

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CẢNH HUỐNG NGÔN NGỮ CỦA NGƯỜI CHĂM Ở NAM BỘ

TRẦN PHƯƠNG NGUYÊN

TÓM TẮT

Dựa trên kết quả nghiên cứu về chính sách ngôn ngữ đối với cộng đồng người Chăm trong sự phát triển bền vững vùng Nam Bộ năm 2012, bài viết phân tích những nhân tố cơ bản tác động đến cảnh huống ngôn ngữ của người Chăm ở Nam Bộ bao gồm dân số, địa bàn cư trú, đặc điểm tôn giáo và lịch sử xã hội. Chính những điều này đã chi phối trực tiếp đến tiếng nói, chữ viết của người Chăm nói chung và người Chăm Nam Bộ nói riêng. Đây cũng là những gợi ý cho việc thực thi một chính sách ngôn ngữ thực tế, hài hòa phù hợp với cảnh huống ngôn ngữ ở vùng người Chăm Nam Bộ.

Nằm ở phía Nam của đất nước, Nam Bộ được đánh giá là vùng đất giàu tiềm năng với 17 tỉnh và 2 thành phố trực thuộc Trung ương là TP.HCM và Cần Thơ. Với tổng diện tích tự nhiên là 75.412,4km², chiếm 46,2% diện tích cả nước, Nam Bộ

Trần Phương Nguyên. Thạc sĩ. Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ.

Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ "Một số vấn đề về chính sách ngôn ngữ đối với cộng đồng người Chăm trong phát triển bền vững vùng Nam Bộ" thuộc Chương trình cấp Bộ "Nghiên cứu Nam Bộ 2011-2012", do Trần Phương Nguyên làm chủ nhiệm và Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ là cơ quan chủ trì.

bao gồm các vùng trọng điểm kinh tế Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Do có vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp nhiều vùng trong nước, có biên giới với Campuchia, tiếp giáp với Biển Đông và Vịnh Thái Lan khiến cho Nam Bộ có mối liên hệ mở cả trên đất liền lẫn trên biển với các nước trong khu vực. Hiện nay Nam Bộ được coi là trung tâm kinh tế quan trọng nhất của cả nước và đóng góp phần lớn GDP hàng năm của quốc gia.

Là vùng đất đa dân tộc, đa tôn giáo và đa ngôn ngữ, Nam Bộ đã thu hút rất nhiều nhà nghiên cứu thuộc các chuyên ngành khác nhau với các tộc người khác nhau, trong đó có ngôn ngữ của người Chăm.

Cảnh huống ngôn ngữ là một khái niệm được coi là quan trọng bậc nhất của ngôn ngữ học xã hội vì ngôn ngữ học xã hội nghiên cứu về mặt chức năng của ngôn ngữ. Cảnh huống ngôn ngữ là toàn bộ các ngôn ngữ hoặc toàn bộ các hình thức tồn tại của một ngôn ngữ, có các quan hệ tương hỗ về mặt lãnh thổ và xã hội, có sự tác động qua lại với nhau về mặt chức năng trong phạm vi một vùng địa lý hoặc một thể thống nhất về chính trị-hành chính nhất định (Nguyễn Như Ý, dẫn theo Nguyễn Văn Khang, 2003, tr. 266).

Như vậy, cảnh huống ngôn ngữ là một thực trạng phức tạp, nhiều tầng bậc, thông qua nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ sẽ có được các thông số cần thiết⁽¹⁾ làm cơ

sở khoa học để giải quyết các vấn đề ngôn ngữ của dân tộc, quốc gia như các vấn đề về chính sách ngôn ngữ, kế hoạch hóa ngôn ngữ, lập pháp ngôn ngữ... Điều đó hiện nay rất đúng với cộng đồng Chăm ở Nam Bộ.

Bài viết này có mục đích nghiên cứu những nhân tố đã chi phối cảnh huống ngôn ngữ của người Chăm Nam Bộ, một bộ phận dân tộc Chăm có những đặc thù về tôn giáo, văn hóa tạo nên tiếng nói và chữ viết khác với những bộ phận người Chăm khác (Chăm Hroi sinh sống tại Bình Định, Phú Yên và Chăm Đông sinh sống tại Ninh Thuận, Bình Thuận) ở Việt Nam. Từ đó tác giả bài viết mong muốn đưa ra một số lưu ý và đề xuất nhằm tăng cường vai trò thực tế của các ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ và các ngôn ngữ khác) ở cộng đồng này.

1. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CẢNH HUỐNG NGÔN NGỮ CỦA NGƯỜI CHĂM Ở NAM BỘ

1.1. Dân số và địa bàn cư trú của người

Chăm Nam Bộ

Người Chăm là một trong những dân tộc thiểu số ở Nam Bộ, thuộc họ (family) ngôn ngữ Nam đảo (Austronesian), nhánh (branch) Tây Nam đảo, nhóm (group) Tây Indonesian, tiểu nhóm (sub-group) lục địa. (dẫn theo Trần Trí Dõi, 1999, tr. 141). Về loại hình, tiếng Chăm thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, đa tiết, không thanh điệu khá điển hình. Trên toàn quốc, dân tộc này có số dân là 161.729 người, trong đó người Chăm ở Nam Bộ là 32.382 người, chiếm 19,8%, cư trú chủ yếu tại 10 tỉnh, thành phố thuộc miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ (xem Bảng 1). Đây là một trong số các tộc người có số dân tăng trưởng theo từng thời kỳ⁽²⁾, điều này đảm bảo cho tiếng Chăm có môi trường hành chức mà không rơi vào tình trạng nguy cấp⁽³⁾.

Thực tế cho thấy, trong những điều kiện tương đương, cộng đồng ngôn ngữ càng đông thì khả năng sống của ngôn ngữ càng lớn và có thể mở rộng phạm vi giao tiếp. Ở Nam Bộ, người Chăm có số dân ít

Bảng 1. Thống kê dân số dân tộc Chăm ở Nam Bộ, 2009

| Stt | Tỉnh | Dân số | % so với Nam Bộ | % so với toàn quốc |
|-----|-----------------------|--------|-----------------|--------------------|
| 1 | An Giang | 14.209 | 43,9 | 8,78 |
| 2 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7.819 | 2,4 | 4,8 |
| 3 | Đồng Nai | 3.887 | 1,2 | 2,4 |
| 4 | Tây Ninh | 3.250 | 1,0 | 2,0 |
| 5 | Bình Dương | 837 | 1,2 | 0,5 |
| 6 | Bình Phước | 568 | 1,8 | 0,3 |
| 7 | Kiên Giang | 400 | 1,2 | 0,2 |
| 9 | Trà Vinh | 163 | 0,5 | 0,1 |
| 10 | Tiền Giang | 72 | 0,2 | 0,04 |

Nguồn: Số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở của Tổng cục Thống kê năm 2009.

nhất so với các dân tộc thiểu số khác như Hoa, Khmer (Xem Bảng 2).

Ở trường hợp này, chúng ta chú ý tới hai hiện tượng. *Thứ nhất*, nếu đối tượng sử dụng ngôn ngữ mặc dù tương đối đồng nhưng sống rải rác phân bố xa nhau thì sẽ làm giảm khả năng hành chức của ngôn ngữ vì thiếu môi trường giao tiếp, khó tổ chức các hoạt động giáo dục bằng ngôn ngữ, khó phát hành các ấn phẩm, như vậy có thể dẫn đến sự chuyển hóa từ việc sử dụng tiếng mẹ đẻ sang sử dụng các ngôn ngữ khác của các cộng đồng xung quanh. *Thứ hai*, không có sự phụ thuộc trực tiếp giữa sức mạnh về dân số và sức mạnh về chức năng của ngôn ngữ.

Nhìn vào Bảng 1, chúng ta thấy người Chăm Nam Bộ sống tập trung chủ yếu ở tỉnh An Giang sau đó là TPHCM và 2 tỉnh Đồng Nai, Tây Ninh. Về hình thức cư trú, người Chăm cư trú ở các vùng nông thôn Nam Bộ theo hình tuyến, gần chợ, cạnh sông. Sở dĩ người Chăm gắn cuộc sống của mình với “chợ” là do nhu cầu trao đổi sản phẩm của các nghề thủ công mà họ làm ra và sản phẩm ngư nghiệp thu được

từ nghề đánh bắt thủy sản truyền thống. Mặt khác, “cận thị, cận giang” đối với Đồng bằng sông Cửu Long cũng đồng nghĩa với sự thuận lợi về giao thông.

Ngoài ra, khi khảo sát thực địa, điều dễ nhận thấy là một số người Chăm Islam sinh sống ở cạnh mặt đường lớn. Ở điều kiện Nam Bộ, đây cũng là một biến thể của đặc điểm “cận thị, cận giang” đã nói ở trên và đây cũng chính là đặc điểm cư trú của người Chăm Nam Bộ. Người Chăm Nam Bộ sống tụ cư thành những paley, phân bố xung quanh những thánh đường Islam để thuận tiện cho việc sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng khép kín và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

Nếu xét ở cộng đồng nhỏ: làng (palei), xóm (puk), người Chăm gắn bó với nhau có tính bền vững thông qua các sinh hoạt tôn giáo, quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân... Xét ở cộng đồng lớn hơn (xã), người Chăm sống hòa đồng, đan xen với các dân tộc khác, có điều kiện tiếp nhận các yếu tố ngôn ngữ khác (chủ yếu là tiếng Việt).

Như vậy, khi nhìn vào số liệu người cư trú

Bảng 2. So sánh tỷ lệ phần trăm dân tộc thiểu số ở Nam Bộ, 2009

| Stt | Dân tộc | Dân số (Toàn quốc) | Dân tộc thiểu số ở Nam Bộ | % so với dân tộc thiểu số toàn quốc | % so với tổng dân số Nam Bộ | % so với dân tộc thiểu số Nam Bộ |
|-----|-----------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|
| 1 | Khmer | 12.60640 | 12.56272 | 99,65 | 4,02 | 54,82 |
| 2 | Hoa | 8.23071 | 72.7475 | 88,39 | 2,33 | 31,74 |
| 3 | Chăm | 161.729 | 32.382 | 20,02 | 0,1 | 1,41 |
| 4 | Dân tộc thiểu số khác | 10.007130 | 275.629 | 2,25 | 0,9 | 12,03 |
| 5 | Tổng số | 12.252.570 | 2.291.758 | | | |

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu điều tra dân số và nhà ở của Tổng cục Thống kê năm 2009.

và địa bàn cư trú của người Chăm ở Nam Bộ được thể hiện trong cộng đồng các dân tộc ở Nam Bộ Việt Nam, người Chăm thuộc vào bộ phận dân tộc ít người, nếu không nói rằng là dân tộc ít người nhất ở Nam Bộ⁽⁴⁾. Trong môi trường ấy, tiếng Chăm là một trong bốn ngôn ngữ được cư dân nơi đây sử dụng. Nhưng vị thế của tiếng Chăm, xét ở số lượng người sử dụng, đứng sau tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức và chủ thể của địa bàn; đứng sau tiếng Khmer là ngôn ngữ không chỉ có số cư dân định cư ở Nam Bộ đông thứ hai mà phân bố trên một địa bàn rộng hơn; đứng sau cả tiếng Hoa là một bộ phận cư dân có số lượng người định cư ở Nam Bộ ít hơn người Khmer nhưng nhiều hơn người Chăm. Trong tình trạng ấy, vị thế của tiếng Chăm sẽ chỉ là một trong hai ngôn ngữ thành tố (Việt-Chăm) của cộng đồng song ngữ người Chăm Nam Bộ.

1.2. Sơ lược về lịch sử người Chăm ở Nam Bộ

Người Chăm ở Nam Bộ gắn liền với lịch sử biến động của người Chăm và nhà nước Chăm-pa trên lãnh thổ Việt Nam⁽⁵⁾. Trước hết là sự thăng trầm của vương quốc Chăm-pa với việc thay đổi kinh đô cho đến khi vương quốc này không còn tồn tại. Vì vương quốc này không còn tồn tại như một thực thể nên “Cộng đồng Chăm-pa tan rã, một số lớn người Chăm chạy vào Châu Đốc, Tây Ninh, sang Campuchia. Số còn lại tập hợp thành những thôn ấp riêng biệt, thành từng làng mà người Chăm gọi là paley, sống một cuộc sống rất cơ cực, lạng lẽ. Chính vì chiến tranh và nổi đau mất nước đã khiến họ tập hợp nhau lại với mục đích bảo vệ những gì còn sót lại của dân tộc Chăm-pa

vang bóng một thời” (Thành Phú Trẻ, 1996, tr. 11).

Đây chính là một trong những lý do quan trọng nhất tạo nên tính cộng đồng hết sức bền chặt của người Chăm Nam Bộ trong môi trường đa dân tộc, đồng thời đây cũng là lý do phản ánh một đặc điểm khép kín của người Chăm Nam Bộ, để từ đó họ ý thức rất rõ về sự tồn tại tiếng nói, chữ viết Chăm của mình. Có lẽ vì thế mà ý thức về tiếng nói, chữ viết của người Chăm Nam Bộ mạnh mẽ hơn so với người Chăm vùng khác nói riêng và so với một vài dân tộc thiểu số khác ở khu vực phía Nam nói chung (tuy nhiên, đây mới chỉ là giả thuyết nghiên cứu).

Năm 1836, dưới thời vua Minh Mạng, một bộ phận người Chăm vùng Pantu Rangar theo vua Pôchơn rời bỏ quê hương, sang định cư ở Campuchia; một số khác đến định cư ở Thái Lan, ra tận đảo Hải Nam (Trung Quốc) và Malaysia. Trong một điều kiện như vậy, những người Chăm di cư có cơ hội tiếp xúc với những người nói tiếng Melayu theo đạo Islam vốn trước đây đã có quan hệ khá mật thiết với người Chăm. Sau khi họ rời cố hương Chăm-pa, mối gắn kết với truyền thống Ấn Độ giáo trước đây đã trở nên lỏng lẻo. Trong khi đó, đạo Islam đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến họ và bộ phận người Chăm này đã gia nhập tôn giáo mới. Từ đó, họ chuyển từ sinh hoạt tín ngưỡng Ấn Độ giáo sang sinh hoạt tôn giáo đạo Islam. Năm 1858, do sự ngược đãi của vua Chân Lạp ở Campuchia, một bộ phận người Chăm từ đây di cư trở lại đất An Giang. Những người Chăm này được triều Nguyễn chấp thuận và cho phép mở mang khai khẩn vùng đất An Giang. Trong khi đó có một bộ phận nhỏ

theo ông hoàng Pôchecoc chuyển về định cư ở tỉnh Tây Ninh hiện nay.

Trong cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ, còn có nhóm Javakur vốn là con cháu của những cư dân nói tiếng Mã Lai-Đa Đảo, gốc từ Malaysia và Indonesia đến Campuchia lập nghiệp vào những thập niên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Về sau, nhóm người này định cư dọc theo sông Hậu Châu Đốc thuộc tỉnh An Giang. Nhóm cư dân này do sinh sống cộng cư với người Chăm Islam Nam Bộ nên lâu dần đã hòa nhập vào cộng đồng người Chăm ở đây và từ đó họ cũng tự nhận mình là người Chăm. Họ dùng tiếng Khmer⁽⁶⁾ để giao tiếp trong đời sống hàng ngày.

Vào những năm 1858-1954, ở giai đoạn đầu do chiến tranh, thiên tai và khủng hoảng kinh tế thế giới, làn sóng di cư của cộng đồng người Chăm vào Sài Gòn ngày càng nhiều. Sau năm 1954, do ảnh hưởng của thiên tai, người Chăm ở An Giang lại tiếp tục các đợt di cư đến lập nghiệp tại vùng đất này. Những người Chăm ở Sài Gòn (nay là TPHCM) đa dạng về mặt nguồn gốc và cũng đa dạng về mặt tôn giáo. Phân bố chủ yếu ở quận 8, quận Phú Nhuận, quận 1 và quận 3. Việc định cư của một bộ phận người Chăm ở đây, khác với những biến động ở trên mà chủ yếu phụ thuộc vào nhu cầu phát triển kinh tế. Theo Thành Phần, “Về cơ bản người Chăm TPHCM là một bộ phận của nhóm cộng đồng từ Châu Đốc An Giang đến và một phần nhỏ ở miền Trung vào” (Thành Phần, 2006, tr. 70). Chính sự xáo trộn địa bàn cư trú do biến động của lịch sử, do sự phân bố dân cư xa cách với cộng đồng

gốc, đồng thời tác động của các yếu tố đô thị hóa cũng như ảnh hưởng nhiều dòng văn hóa khác nhau đã phức hợp thành một cộng đồng Chăm ở TPHCM không đồng nhất mà mang tính đặc thù cho từng khu vực địa phương khác nhau. Đây chính là nét chấm phá cho bức tranh cảnh huống ngôn ngữ của người Chăm ở Nam Bộ.

Như vậy, xuất phát từ lịch sử xã hội và tình trạng cư trú hiện nay, người ta có thể nhận ra đời sống xã hội nông thôn là đời sống chủ đạo trong cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ. Tuy có một bộ phận người Chăm Nam Bộ sống ở thành phố (TPHCM có 7.019 người/32.382 người Chăm ở Nam Bộ, chiếm 21,7%) nhưng về đa số, bộ phận dân cư này vẫn là những người sinh sống ở vùng nông thôn Nam Bộ. Điều này, có thể nói cảnh huống ngôn ngữ của tiếng Chăm Nam Bộ chủ yếu vẫn là xã hội nông thôn ở đồng bằng Nam Bộ. Tuy nhiên, để hiểu thật đầy đủ cộng đồng này, người ta không thể không chú ý đến những khác biệt “có tính thành thị” của những người Chăm sống ở TPHCM, cho dù họ chỉ chiếm khoảng 1/5 dân số. Nghiên cứu sự khác biệt về ngôn ngữ giữa hai bộ phận cư dân này, chúng ta thấy rõ hơn vấn đề nội bộ của mỗi một bộ phận trong cả cộng đồng.

1.3. Đặc điểm tôn giáo của người Chăm Nam Bộ

Người Chăm ở Việt Nam chủ yếu theo đạo Bàlamôn (Brahmanism) và đạo Hồi (Islam), ngoài ra ở thời kỳ nhà nước Chiêm Thành (886-1471) người Chăm còn theo đạo Phật⁽⁷⁾.

Đặc điểm nổi bật nhất về tôn giáo của người Chăm Nam Bộ là “sống hòa nhịp với cộng đồng tín ngưỡng Hồi giáo”. Nói một cách khác, “cả cuộc đời của họ gửi trọn cho kinh Koran”.

Cộng đồng người Chăm Islam ở Nam Bộ được cấu trúc theo *Jammaah*. Mỗi *Jammaah* là một tập hợp cư dân gồm những người sinh hoạt cùng tín ngưỡng chung trong một *Masjid*. Đứng đầu *Jammaah* là một ông Hakim do tập thể *Jammaah* bầu lên. Ông Hakim có quyền chọn một vị phụ tá gọi là Naib. Mỗi *Jammaah* đều có thêm một thành viên trong Ban Quản trị thánh đường Islam. Các thành viên này có thể do cộng đồng đề cử hoặc do ông Hakim và Naib chọn để chăm lo một số công việc thuộc về xã hội trong phạm vi cộng đồng *Jammaah* của mình. Tuy có số lượng cư dân không đông, nhưng sự hiện diện của 57 *masjid* và *surau* (xem Bảng 3) bề thế với lối kiến trúc đặc trưng đã thể hiện tiềm lực tinh thần, tín ngưỡng cao của cộng đồng Chăm Islam ở Nam Bộ. Chính lối kiến trúc đặc trưng này đã làm nổi bật vị trí định cư khi cư trú bên cạnh những cộng đồng cư dân khác.

Thánh đường không đơn thuần chỉ là nơi để đến cầu nguyện mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa truyền thống, phản ánh tính xã hội rộng rãi của cộng đồng Islam giáo. Điều đó được thể hiện ở các lễ cưới, lễ tang và các buổi sinh hoạt của cộng đồng tại thánh đường. Nói một cách khác, thánh đường là nơi sinh hoạt tinh thần của các thành viên trong cùng một *Jammaah*. Trong khuôn viên hoặc bên cạnh thánh đường của mỗi một *Jammaah* đều có một

trường học hoặc là phòng để phổ biến và học giáo lý Islam. Ở đây, người Chăm Islam được học và được dạy chữ Ả Rập, học giáo lý để hiểu luật Islam và cầu nguyện (Salat). Nhìn một cách tổng quát, thánh đường Islam của người Chăm Nam Bộ giống như một “trường học” để duy trì và phổ biến tiếng Chăm của cộng đồng, nhất là chữ Chăm truyền thống của kinh Koran.

Đặc điểm người Chăm ở Việt Nam là sự khác biệt giữa các vùng, trong đó Chăm Islam có mối quan hệ thường xuyên với Hồi giáo thế giới đặc biệt là khu vực Đông Nam Á. Mối quan hệ đó ngoài yếu tố tôn giáo còn có mối quan hệ thân tộc. Cụ thể người Chăm Islam Nam Bộ có quan hệ thường xuyên với người nói ngôn ngữ Melayu ở những nước láng giềng vùng Đông Nam Á nên nhiều trí thức Islam Nam Bộ đã học tiếng Melayu. Sự tác động này đã làm cho những trí thức Islam Nam Bộ dùng chữ Jawi, một loại chữ Ả Rập nhưng

Bảng 3. Phân bố số lượng Mosques (Nhà thờ Hồi giáo) ở Nam Bộ

| Stt | Tỉnh/thành phố | Masjid | Surau |
|------|----------------|--------|-------|
| 1 | TPHCM | 10 | 05 |
| 2 | An Giang | 11 | 15 |
| 3 | Tiền Giang | 01 | |
| 4 | Trà Vinh | 01 | |
| 5 | Long An | 01 | |
| 6 | Tây Ninh | 05 | 02 |
| 7 | Bình Phước | 01 | |
| 8 | Bình Dương | 01 | |
| 9 | Đồng Nai | 02 | 02 |
| Tổng | | 33 | 24 |

Nguồn: Ban Đại diện cộng đồng Hồi giáo TPHCM.

được người Melayu ở Malaysia và Indonesia dùng xây dựng chữ viết và sử dụng trước 1945, để xây dựng chữ Chăm Nam Bộ theo truyền thống Melayu. Hiện nay, loại chữ này rất thông dụng đối với người Chăm Islam ở Nam Bộ. Vì thế, có rất nhiều người Chăm Islam Nam Bộ có thể đọc được kinh Coran, đọc được chữ Jawi của người Malaysia, Indonesia để hiểu thêm về Islam. Đây là một nhân tố quan trọng có ảnh hưởng đến cảnh huống sử dụng ngôn ngữ của người Chăm ở Nam Bộ.

Nhìn chung, khi nghiên cứu những vấn đề về ngôn ngữ liên quan đến đời sống xã hội của người Chăm Nam Bộ, không thể không chú ý đến đời sống tôn giáo của họ. Lầy thánh đường (vốn là nơi sinh hoạt tôn giáo) là trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng và gắn bó với nhau về mặt tinh thần bằng kinh Koran, người Chăm Nam Bộ sống không chỉ tập trung quây quần bên nhau mà có phần khép kín trong từng đơn vị cư trú và trong nội bộ cộng đồng. Điều này đã làm cho tiếng Chăm Nam Bộ tuy sống trong môi trường giao tiếp chính trong khu vực là tiếng Việt, sau đó là tiếng Khmer nhưng tuy có chịu tác động ít nhiều của tiếng Việt và tiếng Khmer, mà vẫn giữ gìn được ngôn ngữ của cộng đồng, không đến mức bị lai tạp.

Vì thánh đường Islam là nơi thụ giáo của người Chăm Nam Bộ và ngôn ngữ tôn giáo là kinh Koran nên mọi sinh hoạt về đời sống tinh thần đều diễn ra ở đây. Điều này cũng lý giải lý do vì sao trong cộng đồng người Chăm Nam Bộ, các lớp học chữ Chăm gắn chặt với phía sau thánh đường và là nơi để các tín đồ Hồi giáo ở

đây có thể học tập để đọc được kinh Koran, một món ăn tinh thần không thể thiếu của người Chăm Nam Bộ. Nói một cách khác, ngôn ngữ trong kinh Koran giữ vai trò tác động quan trọng trong đời sống xã hội của cộng đồng người Chăm ở đây.

1.4. Tiếng nói, chữ viết Chăm Nam Bộ

1.4.1 Khái quát về tiếng Chăm và tiếng Chăm Nam Bộ

Các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước gần như đã thống nhất phân chia cộng đồng người Chăm ở Việt Nam làm hai vùng: Đó là *Xấp Chăm Châu Đốc* và *Xấp Chăm Phan Rang* (Xấp: Tiếng). Tuy nhiên, theo Thập Liên Trường, cách phân loại thành hai Xấp này “chỉ đúng một phần rất nhỏ”; bởi vì hiện nay “người Chăm có mặt rải rác từ phía tây Bình Định, Phú Yên tạo thành *nhóm Chăm Bắc* hay Chăm Bình-Phú, ở vùng duyên hải cực Nam Trung Bộ, gọi là Chăm Ninh Thuận-Bình Thuận, có số lượng người đông nhất, còn lại là *nhóm Chăm Nam Bộ* từ xã Xuân Hưng-Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai đến các khu vực ven sông Hậu hay các cù lao sông Hậu của Đồng bằng sông Cửu Long, tập trung ở vùng Châu Đốc tỉnh An Giang”. Dựa vào thực tế ấy, Thập Liên Trường đề nghị “tạm thời phân tiếng Chăm làm ba vùng cư dân đã nói trên” và gọi đó là: *Phương ngữ Chăm Bắc* (tức là những cư dân nói phương ngữ Chăm ở Bình Định và Phú Yên), *phương ngữ Chăm Ninh Thuận-Bình Thuận* và cuối cùng là *phương ngữ Chăm Nam Bộ*.

Chúng ta “tạm thời” đồng ý với cách chia như trên, gọi là “tạm thời” bởi vì cả Thập Liên Trường, Phú Văn Hãn, (2005. tr. 16)

và cả những tác giả khác khi nói về “phương ngữ” đều hoặc chỉ nhấn mạnh về địa lý, hoặc nhấn mạnh về đặc trưng lịch sử văn hóa hoặc cấu trúc của đơn vị “từ ngữ âm” mà chưa có được một mô tả chi tiết về sự khác biệt trong lịch sử ngữ âm và khác biệt từ vựng “mang tính phương ngữ” của tiếng Chăm ở những vùng này. Kết quả phản ánh tình trạng này chúng tôi đã thu thập và trình bày ở dưới đây.

- Xét về mặt ngữ âm, nếu như tiếng Chăm ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận đã và đang có xu hướng đơn tiết hóa các từ đa tiết nguyên gốc thì tiếng Chăm ở vùng Nam Bộ vẫn đang lưu giữ khá tốt hiện tượng đa tiết⁽⁸⁾. Quá trình biến đổi của tiếng Chăm Ninh Thuận, Bình Thuận diễn ra ở phần đầu các từ song tiết, đó là quá trình nhược hóa các âm tiết yếu để hình thành các tổ phụ âm đầu của các âm tiết mạnh và giảm hóa thành các phụ âm đơn. Quá trình biến đổi của tiếng Chăm Nam Bộ diễn ra ở phần cuối âm tiết, xu hướng rụng dần các âm vang và cuối âm tắc, khi phát âm tiếng Chăm ở vùng Nam Bộ là đóng, tiếng Chăm vùng Ninh Thuận, Bình Thuận là mở. Như vậy, sự khác biệt thể hiện “tính phương ngữ” giữa những vùng này là sự khác biệt về tính “đa tiết/đơn tiết” tiếng Chăm.

Ngoài ra, người ta căn cứ vào “giọng phát âm”, theo đó, nếu giọng nói của người Chăm ở miền Trung có vẻ hơi dồn dập, mạnh thì giọng nói của người Chăm Nam Bộ chậm rãi, đôi khi hơi kéo dài âm điệu. Nhận xét này, rõ ràng nghiêng về cảm nhận của người bản ngữ (Trương Hiếu Mai, 1995). Cũng với ý tưởng đó, P. Dharma, trong *khaocoviet.net* cho rằng

đặc trưng nhất của nhóm phương ngữ này là các từ đa tiết nguyên gốc thường được phát âm tách rời từng âm tiết. Khi nói nhanh, trọng âm lại không mang trọng âm, nó ít gặp loại tổ hợp phụ âm đầu có thành phần không ổn định.

Về từ vựng, từ vựng ở tiếng Chăm Nam Bộ có nhiều từ chung với Mã Lai, trong đó bao gồm cả từ có nguồn gốc Ả Rập mới du nhập.

- Xét ở bình diện tiếp xúc ngôn ngữ, dường như khi nói đến tiếng Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận, người Chăm thường nghĩ rằng đó là tiếng Chăm cổ (tiếng Chăm thuần, Chăm nguyên gốc) của cộng đồng người Chăm. Còn khi nói đến tiếng Chăm biến thể (tức là đã có sự biến đổi so với tiếng Chăm gốc vùng Ninh Thuận, Bình Thuận), tiếng Chăm lai, tiếng Chăm pha thì người ta nghĩ đến tiếng Chăm ở Nam Bộ tuy nó vẫn thuộc vào khái niệm tiếng Chăm.

Tùy theo phạm vi giao tiếp của từng cộng đồng Chăm mà tiếng Chăm giữa các vùng đã có sự thay đổi. Đầu tiên là do tiếp xúc với tiếng Việt nên tiếng Chăm hiện đại đã bị ảnh hưởng ở các bình diện ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng (xu hướng mất dần các phụ tố, đơn tiết hóa, báo hiệu sự xuất hiện của thanh điệu, hòa nhập các phụ âm để tạo các âm chung, xuất hiện nhiều hệ thống từ tiếng Việt trong hệ thống từ vựng tiếng Chăm).

Có thể phân tích “đặc điểm pha trộn” của tiếng Chăm ở Nam Bộ như sau: Mặc dù tiếng Chăm ở đây chịu ảnh hưởng của tiếng Việt và tiếng Khmer, nhưng có lẽ do “cận cư” chứ không phải là “cộng cư” với những cộng đồng dân cư chủ thể này nên

dường như tiếng Chăm Nam Bộ tuy có chịu ảnh hưởng của tiếng Việt và tiếng Khmer nhưng chưa đến mức thành “lai” hay “pha tạp” với hai ngôn ngữ chính của khu vực. Trong khi đó, người Chăm Nam Bộ trong quá khứ và cả hiện tại đều có những quan hệ và liên hệ nhất định với người nói tiếng Melayu ở Malaysia, Indonesia... Vì thế, trong tiếng Chăm Nam Bộ có nhiều từ Melayu mà trong tiếng Chăm ở những vùng khác Nam Bộ không có (Phú Văn Hãn, 2003, tr. 60). Cách giải thích như thế cho thấy trong những nhân tố làm ảnh hưởng tới cảnh huống ngôn ngữ của người Chăm ở Nam Bộ, không chỉ có ngôn ngữ bản địa giữ vai trò chủ thể tại địa bàn (tiếng Việt và tiếng Khmer) mà còn có cả tiếng nước ngoài của những cộng đồng cư dân láng giềng với người Chăm Nam Bộ (tiếng Melayu).

Như vậy, về mặt lịch sử, có thể khẳng định rằng người Chăm Nam Bộ là một bộ phận quan trọng của cộng đồng dân tộc Chăm ở Việt Nam. Do những tác động của lịch sử xã hội phần đất phía Nam Việt Nam, người Chăm Nam Bộ vẫn có mối liên hệ khăng khít với những bộ phận người Chăm ở những vùng khác. Bởi lẽ, họ vốn là những người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận, sau những cuộc di chuyển đến một số nước ở Đông Nam Á đã trở về đây lập nghiệp. Và về cơ bản, họ có một tín ngưỡng tôn giáo chung. Nét riêng là những người Chăm ở Nam Bộ coi đạo Islam là chính và cũng vì thế họ có mối quan hệ với người Chăm Islam ở các nước trong khu vực Đông Nam Á nói riêng và cộng đồng Hồi giáo nói chung. Đây cũng là một trong những lý do khiến cho tiếng nói, chữ viết Chăm Nam Bộ có quan

hệ và chịu ảnh hưởng ít nhiều tiếng Melayu ở các nước láng giềng Đông Nam Á.

1.4.2. Về chữ viết của người Chăm và chữ viết của người Chăm Nam Bộ

Nói đến chữ viết của người Chăm ở Việt Nam, người ta không thể không nhắc đến tên gọi *Akhar*. *Akhar* có nghĩa là “chữ” hay “chữ viết”. Tên gọi này có nguồn gốc từ tiếng Pali. Theo đó, trong ngôn ngữ này, *Akhara* có nghĩa là “chữ, chữ viết, ngôi sao”. Trong tiếng Chăm, *Akhara* được viết thành *Akhar*. Vì thế, chữ Chăm bao giờ cũng mở đầu bằng từ *akhar*. Ví dụ *Akhar Rik*, *Akhar Thrah*, *Akhar Rumi* có nghĩa là “chữ Rik, chữ Thrah, chữ Rumi”.

Theo P. Dharma trong *khaocoviet.net* thì người Chăm là tộc người có chữ viết sớm nhất ở Đông Nam Á, điều này thể hiện trên bia Võ Cạnh (là bia ký sớm nhất của Champa và cả Đông Nam Á). Trong quá trình lịch sử, người Chăm đã dùng một kiểu chữ như *Akhar Rik* (chữ thánh, chữ cổ), *Akhar Tabuka* (chữ sách). Đây là loại chữ bắt nguồn từ chữ Brahmi ở vùng Nam Ấn khoảng năm 200 trước Công nguyên được truyền bá qua con đường tôn giáo.

Sang đến thế kỷ thứ XVII *Akhar Thrah* bắt đầu được sử dụng trên bia Po Rome (1627-1651) và nhiều tài liệu khác tồn tại trong tầng lớp tu sĩ, bô lão và trí thức Champa. *Akhar Thrah* bắt nguồn từ các kiểu *Akhar Rik* (chữ cổ), *Akhar Tabuka* (chữ sách) và có 3 biến thể: *Akhar Jok* (chữ bí ẩn), *Akharkalimung* (chữ con nện), *Akhar Tor* (chữ treo, chữ tắt). Khác với *Akhar rik* chỉ được ghi trong văn bia thì *Akhar Thrah*, ngoài văn bia, nó còn được ghi trong các văn bản chép tay, đó là văn

tự ngữ âm-âm tiết, có thể hiểu đây là chữ thông dụng. Loại chữ này được dùng để giảng dạy học sinh người Chăm ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận. Năm 1978, Ban tổ chức biên soạn sách chữ Chăm theo mẫu tự Thrah được thành lập. Bộ chữ Chăm này được Bộ Giáo dục và Đào tạo dùng để soạn sách tiếng Chăm với tư cách là môn học trong các trường phổ thông. Tuy nhiên, cộng đồng Chăm ở Bình Định, Phú Yên lại không đón nhận loại chữ viết này, họ cảm thấy xa lạ với loại chữ Chăm theo mẫu tự Thrah mà muốn có hệ thống chữ viết Chăm theo mẫu tự Latinh. Năm 2000, Ksor Nut dựa vào cách ghi âm của SIL trên nền của tiếng Chăm H'roi để xây dựng một hệ thống cách ghi bằng chữ Latinh bao gồm 33 chữ cái (14 phụ âm, hai bán nguyên âm và 17 nguyên âm). Năm 2003, Viện Ngôn ngữ học có thực hiện tại Bình Định đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy tiếng Bana Kriêm, H'rê, Chăm Hroi do Nguyễn Văn Lợi làm chủ nhiệm.

Chữ *Arab* có nguồn gốc từ tiếng Bini (David Allen Hulse, 2007, tr. 137)⁽⁹⁾ được người Chăm sử dụng trong giảng dạy kinh Koran và tìm hiểu giáo lý đạo Islam. Như vậy, *Akhar Bini* là loại chữ được du nhập vào cộng đồng người Chăm trong quá trình hình thành và phát triển của đạo Islam. Loại chữ này thường được dùng trong “chức sắc Bini thuộc cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận, dùng để truyền thụ cho một số người kế tục công việc của các ông Chan, ông Mun... để hướng dẫn nghi lễ đạo Bini. Văn bản Bini cổ được nhiều người biết đến là kinh Qur'ưn (biến âm của cách gọi Coran) và một số văn bản liên quan khác lưu

truyền trong cộng đồng Chăm Bini ở Ninh Thuận, Bình Thuận và Campuchia, song đến nay vẫn chưa được sưu tầm, nghiên cứu làm rõ nội dung” (Phú Văn Hãn, 2003, tr. 71)

Còn chữ *Chăm Jawi* là loại chữ được dùng để ghi âm tiếng Chăm ở Việt Nam. Người Chăm Nam Bộ và người Chăm theo đạo Islam ở miền Trung thường sử dụng loại chữ viết này. Cộng đồng người Chăm ở Campuchia và một số cộng đồng Chăm khác ở những nước láng giềng cũng sử dụng loại chữ Jawi này. Như vậy, có cơ sở để nghĩ rằng chữ Jawi là loại chữ tương đối phổ biến trong cộng đồng những người nói ngôn ngữ Nam Đảo ở khu vực Đông Nam Á.

Ở Việt Nam, một số trí thức trong bộ phận người Chăm Nam Bộ đã dựa vào mẫu chữ Jawi để xây dựng nên chữ Rumi Chăm (*Akhar Rumi Bahsa Chăm* có nghĩa là “chữ Rumi tiếng Chăm”). Cụ thể, ông Abdullah Nguyễn Văn Mạch đã xây dựng bộ chữ Rumi Chăm gồm 30 ký tự chữ cái phụ âm và 8 ký hiệu nguyên âm.

Năm 1997, Sở Giáo dục-Đào tạo tỉnh Tây Ninh đã hoàn thành bước đầu việc biên soạn sách tiếng Việt-Chăm Nam Bộ. Theo đó, bộ chữ Chăm này gồm 31 chữ phụ âm và 10 ký hiệu nguyên âm. Sở Giáo dục-Đào tạo tỉnh Tây Ninh đã sử dụng bộ chữ này để dịch *Tiếng Việt 1*, *Tiếng Việt 2*, *Tiếng Việt 3* sang tiếng Chăm làm tài liệu dạy học tiếng Chăm cho học sinh người Chăm⁽¹⁰⁾ ở vùng này. Điều này gây nhiều tranh cãi, vì đáng lẽ sử dụng sách giáo khoa tiếng Chăm cho cả cộng đồng Chăm do Nhà xuất bản Giáo dục ấn hành, tỉnh Tây Ninh đã làm theo cách riêng của mình

và họ cho rằng cách làm ấy mới “phù hợp” với truyền thống dùng chữ Chăm của người Chăm Tây Ninh nói riêng và người Chăm Nam Bộ nói chung. Xung quanh vấn đề chữ viết Chăm hiện nay có nhiều ý kiến: Hoặc là lựa chọn một trong các loại chữ viết trên làm chữ viết chung cho tiếng Chăm? Nếu được lựa chọn thì nên lựa chọn loại chữ nào? Nếu chọn chữ truyền thống thì giữ được bản sắc nhưng khó học và ngược lại. Nếu không lựa chọn được thì chữ Chăm có khả năng tiếp tục được chế tác theo nhu cầu và có nguy cơ “phân hóa” dẫn đến các hệ lụy khác (Nguyễn Văn Khang, 2012, tr. 10).

Như vậy, ở Nam Bộ, cộng đồng người Chăm điển hình nhất sinh sống ở An Giang. Nơi đây, cộng đồng người Chăm sống trong một điều kiện tương đối khép kín. Hiện tượng này cho thấy, cộng đồng song ngữ người Chăm Nam Bộ sử dụng hai thành tố ngôn ngữ trong đời sống xã hội sẽ khác nhau. Theo đó, tiếng Chăm sẽ giữ vai trò quan trọng trong tất cả các bình diện giao tiếp nội bộ cộng đồng. Trong khi đó, thành tố thứ hai - tiếng Việt sẽ được người Chăm Nam Bộ sử dụng để giao tiếp bên ngoài cộng đồng. Trong môi trường ấy, không ít thì nhiều tiếng Việt là một ngôn ngữ có tác động qua lại với tiếng Chăm Nam Bộ. Có thể nói, tiếng Chăm ở Nam Bộ ngoài tính kế thừa tiếng Chăm của cộng đồng Chăm ở Việt Nam, còn có sự tác động qua lại với hai ngôn ngữ khác. Trước hết, đó là tiếng (và có thể là cả chữ viết) Melayu truyền thống của những quốc gia Hồi giáo láng giềng. Sự tác động này vì mang tính lịch sử nên đã được định hình trong tiếng Chăm ở Nam Bộ. Sau đó

là tiếng Việt, ngôn ngữ chính thức của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Sự tác động này, khác với trường hợp tiếng Melayu, vì là ngôn ngữ cộng cư hiện nay nên đang có những tác động nhất định trong tiếng Chăm ở Nam Bộ.

Từ những thông tin khái quát nói trên, chúng ta đã thấy được những nhân tố cơ bản đã tác động đến cảnh huống ngôn ngữ của người Chăm ở Nam Bộ. Nói một cách khác đi, những nhân tố này sẽ tác động đến môi trường cũng như điều kiện sử dụng ngôn ngữ, tác động đến thái độ ngôn ngữ của họ ở nơi đây. Đến lượt mình, điều kiện sử dụng ngôn ngữ và thái độ ngôn ngữ của cộng đồng người nói tiếng Chăm ở Nam Bộ sẽ tương tác với việc định ra chính sách và thực thi chính sách ngôn ngữ cho cộng đồng người Chăm trên địa bàn Nam Bộ.

2. MỘT SỐ LƯU Ý KHI THỰC THI CHÍNH SÁCH NGÔN NGỮ Ở VÙNG CHĂM NAM BỘ

Chính sách ngôn ngữ là tổng thể các biện pháp nhằm phổ dụng (hoặc loại trừ) các ngôn ngữ trong những phạm vi giao tiếp có tổ chức khác nhau hoặc là khởi tạo ra các quy tắc nghi thức lời nói, những lời khuyên về sự trau dồi ngôn ngữ cho các phạm vi giao tiếp không có tổ chức (Mikhal'chenko V. Ju, dẫn theo Nguyễn Đức Tồn, 2010, tr. 28). Việc đề ra chính sách ngôn ngữ đòi hỏi phải có sự cân nhắc thận trọng, tính đến nhiều mặt dựa trên thực tế đời sống của một ngôn ngữ của một quốc gia, nhất là những quốc gia đa dân tộc, đa văn hóa và đa ngôn ngữ. Chính sách ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số của nhà nước Việt Nam là chung cho

các dân tộc, các vùng lãnh thổ khác nhau trong cả nước. Tuy nhiên, ở mỗi một dân tộc cụ thể, ở mỗi một vùng lãnh thổ xác định lại có những điều kiện làm nên *cảnh hướng ngôn ngữ* khác nhau. Chính vì vậy, đối với những trường hợp cụ thể, người ta phải xem xét *cảnh hướng ngôn ngữ* tương ứng với mỗi một dân tộc hay mỗi một vùng lãnh thổ cụ thể.

Là một ngôn ngữ dân tộc thiểu số có số dân ít ở vùng Nam Bộ, song tiếng Chăm cùng với nền văn hóa Chăm từ lâu đã có một vị trí quan trọng trong việc hình thành và xây dựng nền văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam. Tiếng Chăm ngoài chức năng giao tiếp còn là sợi dây gắn kết người Chăm ở các vùng khác nhau và là ngôn ngữ tâm linh của người Chăm Nam Bộ.

Do sự xa cách với cộng đồng Chăm gốc bởi những tác động của lịch sử cũng như chức năng giao tiếp trong phạm vi nội bộ cho nên tiếng Chăm Nam Bộ có những đặc điểm riêng biệt, điều này đã ảnh hưởng không ít đến vấn đề sử dụng tiếng Chăm trong đời sống xã hội. Việc giải quyết tốt vấn đề sử dụng tiếng nói chữ viết Chăm sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển bền vững cộng đồng Chăm

Hiện nay ở Nam Bộ mà cụ thể là An Giang nơi được coi là “thủ phủ” của người Chăm nhưng vẫn chưa có một chương trình truyền hình bằng tiếng Chăm trong thời lượng phát sóng của Đài Phát thanh Truyền hình của tỉnh. Các ấn phẩm khác như sách báo, băng đĩa nhạc bằng tiếng Chăm Nam Bộ là không có. Thiết nghĩ cần có những tài liệu tuyên truyền, sách báo bằng tiếng Chăm với một số lượng nhất

định để người dân nâng cao nhu cầu giải trí, tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật. Nên có một thời lượng phát sóng bằng tiếng Chăm Nam Bộ trong chương trình phát thanh truyền hình tại địa phương. Trên sóng phát thanh truyền hình trung ương cần có sự điều chỉnh hợp lý trong việc sử dụng tiếng Chăm gốc với các biến thể đang sử dụng trong đời sống xã hội vì nếu sử dụng tiếng Chăm gốc sẽ làm giảm tính hiệu quả của phát thanh truyền hình đối với công chúng, mặt khác làm lu mờ sự biến đổi của tiếng Chăm dưới tác động của các nhân tố ngôn ngữ xã hội. Cần đưa môn học tiếng Chăm vào chương trình tiểu học ở vùng có đông người Chăm sinh sống. Hiện nay ở Nam Bộ do chưa có sự thống nhất về sách học tiếng Chăm trong nhà trường vì thế ngành giáo dục vẫn chưa triển khai môn học này ở bậc tiểu học ngay cả ở cả 3 địa bàn được coi là trọng điểm như TPHCM, Tây Ninh, An Giang⁽¹¹⁾. Việc dạy, học tiếng Chăm trong nhà trường cần phải tuân thủ theo quy định về dạy tiếng dân tộc thiểu số nói chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hạn chế việc tạo ra sự khác biệt giữa tiếng Chăm và tiếng các dân tộc thiểu số khác trong vùng (như tiếng Khmer chẳng hạn). Sự đa dạng về chữ viết Chăm đã và đang là khó khăn rất lớn trong việc biên soạn sách giáo khoa tiếng Chăm, trước mắt cần có sự tôn trọng các chữ Chăm ở những vùng miền đang được các cư dân lựa chọn, về lâu dài cần đi đến thống nhất một loại chữ Chăm chung cho việc sử dụng để có một loại sách học tiếng Chăm chung cho học sinh người Chăm ở tất cả các vùng miền đều có thể hiểu và học tiếng Chăm.

Về hệ thống thuật ngữ, do tiếng Chăm là một ngôn ngữ chỉ giao tiếp trong nội bộ cộng đồng nên vốn từ vựng của tiếng Chăm không đáp ứng được các giao tiếp ngoài cộng đồng nhất là trong xu thế hội nhập. Một số từ vựng du nhập trực tiếp bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài chỉ nên phiên âm mà không dịch theo từ vì nếu dịch sẽ rất dễ bị sai mà không đúng với nghĩa thực trong khi khả năng song ngữ Chăm-Việt rất cao (98%).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay, các nhân tố xã hội đã ảnh hưởng không ít đến mọi mặt đời sống của cư dân Nam Bộ trong đó có người Chăm. Việc lựa chọn cho con em mình sử dụng và học tập ngôn ngữ nào cũng là vấn đề mà các bậc phụ huynh phải xem xét một cách thấu đáo về mặt xã hội. Trong học tập và sử dụng ngôn ngữ hiện nay, ngoài tiếng Việt toàn dân còn có tiếng Anh. Đây là điều kiện bắt buộc nhưng cũng là cầu nối để họ có thể tiếp xúc ra ngoài cộng đồng và xa hơn là ngoài biên giới. Chắc chắn họ sẽ đặt lên bàn cân xem nên học ngôn ngữ nào sẽ đem lại lợi ích trong tương lai. Trong một giới hạn nhất định (những bậc trí thức và những người lớn tuổi) có thể hiểu được giá trị của việc bảo tồn tiếng nói chữ viết của dân tộc mình, hiểu rõ lòng tự hào dân tộc nhưng sự đòi hỏi của cuộc sống về vật chất (mưu sinh, sự giàu có) và tinh thần (các loại hình giải trí, các ấn phẩm văn hóa đang được truyền thông chủ yếu bằng tiếng Việt và tiếng Anh) buộc họ sẽ lựa chọn tiếng Việt và tiếng Anh trong học tập và sử dụng ngôn ngữ dẫn đến tình trạng mai một hệ chữ viết cổ, tình trạng văn hóa, văn học nghệ thuật cũng bị mờ nhạt, do không

được học một cách bài bản⁽¹²⁾, không dùng để ghi lại, phổ biến. Đội ngũ giáo viên được giảng dạy ở phía sau thánh đường có những người không thông thạo tiếng Việt, tiếng Chăm mà chỉ biết tiếng Anh, tiếng Ả Rập do sau khi học hết phổ thông, những học sinh này được đưa sang đào tạo ở Malaysia qua con đường tôn giáo và quay trở về dạy chữ Ả Rập cho con em của người Chăm với mục đích để đọc kinh Koran. Chúng tôi cho rằng, khi nghiên cứu những vấn đề về cảnh huống ngôn ngữ cần phải chú ý yếu tố tâm lý xã hội.

KẾT LUẬN

Có thể đi đến một nhận xét chung rằng tiếng Chăm là tiếng mẹ đẻ của một dân tộc Chăm thống nhất ở Việt Nam, trong đó có một bộ phận người Chăm cư trú ở Nam Bộ. Sự hình thành ba vùng phương ngữ địa lý của tiếng Chăm (ba vùng phương ngữ là Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Trung Trung Bộ), trong đó có tiếng Chăm Nam Bộ, phản ánh một quy luật khác biệt tất yếu giữa chúng. Chúng ta biết rằng cho đến nay, do những điều kiện về ngôn ngữ và lịch sử-kinh tế-xã hội, tiếng Chăm giữa các vùng địa lý ấy tuy có khác nhau nhưng cơ bản người Chăm giữa các vùng khi giao tiếp bằng tiếng Chăm, vẫn có thể hiểu nhau được. Riêng đặc điểm mang tính đặc trưng về tôn giáo của tiếng Chăm Nam Bộ đã mang đến cho tiếng Chăm vùng này những nét đặc thù. Chẳng hạn như là sự bảo lưu được nét nguyên gốc về đặc điểm loại hình của tiếng Chăm trong phát âm, từ vựng; hay như sự tương tác giữa tiếng Chăm Nam Bộ với tiếng Melayu là rõ ràng hơn khi người Chăm ở đây dứt khoát lựa

chọn chữ viết riêng là “chữ Chăm của kinh thánh” để sử dụng trong đời sống thường ngày cho dù nó có sự khác biệt với chữ viết của những vùng khác. Chính vì thế chúng ta cần phải tôn trọng sự tồn tại và vai trò của các tiếng Chăm phương ngữ nhưng cũng phải hết sức lưu ý không nên cực đoan tách thành những ngôn ngữ riêng. Việc biên soạn sách giáo khoa, sách học tiếng Chăm về lâu dài cần phải tính đến việc lựa chọn một loại chữ tiếng Chăm chung tiện lợi cho việc sử dụng. Về phương diện giáo dục ngôn ngữ, cần phải duy trì việc dạy tiếng Chăm trong nhà trường trong mối tương quan chung với chủ trương dạy tiếng dân tộc thiểu số của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hạn chế tạo sự khác biệt cho bộ môn tiếng Chăm. Trên sóng phát thanh-truyền hình, cần có sự điều chỉnh hợp lý giữa tiếng Chăm gốc và tiếng Chăm biến thể đang sử dụng trong đời sống xã hội, nhằm mang lại hiệu quả thiết thực cho công chúng. □

CHÚ THÍCH

(¹) Theo Mikhal'chenko V. Ju. Cảnh huống ngôn ngữ được hình thành từ các nhân tố sau: *Dân tộc-nhân khẩu*: Thành phần dân tộc của cư dân trong một khu vực, cách cư trú của những người thuộc các dân tộc khác nhau như định cư hay du cư, phân tán hay tập trung...; *Các nhân tố ngôn ngữ học*: Trạng thái cấu trúc và chức năng của một ngôn ngữ bao gồm phong cách chức năng, hệ thống thuật ngữ, truyền thống chữ viết; *Các nhân tố vật chất*: Từ điển, sách hội thoại, các tài liệu để giảng dạy, đội ngũ giáo viên, hệ thống các lớp học ngôn ngữ; *Nhân tố con người* bao gồm những định hướng có giá trị của người bản ngữ, tri năng ngôn ngữ, sự sẵn sàng học ngôn ngữ mới của họ (Dẫn theo: Nguyễn Đức Tồn, 2010, tr. 27).

(²) Dân số người Chăm ở Việt Nam năm 1901 là 4.459 người, năm 1921 là 4.713 người, năm 1916 là 8.656 người, năm 1999 là 12.434 người, năm 2009 là 161.729. Dẫn theo: Nguyễn Văn Khang, 2012, tr. 1.

(³) Theo David Crystal, 2001, trong số 7.000 ngôn ngữ hiện nay trên thế giới thì chỉ có khoảng 500 ngôn ngữ trong vòng an toàn, còn lại đều trong vòng không an toàn với 5 mức độ khác nhau: *Ngôn ngữ có tiềm năng đe dọa* (Potentially endangered languages): Ngôn ngữ bất lợi về kinh tế, chính trị và chịu áp lực từ ngôn ngữ lớn hơn và ngày càng có ít trẻ em sử dụng; *Ngôn ngữ bị đe dọa* (Endangered languages): Ngôn ngữ chỉ có thanh niên sử dụng, trẻ em không chịu học; *Ngôn ngữ bị đe dọa nghiêm trọng* (Seriously endangered languages): Những người sử dụng thành thạo ở độ tuổi từ 50 trở lên; *Ngôn ngữ hấp hối* (Moribund languages): Ngôn ngữ mà số người sử dụng là những người cao tuổi và sử dụng với một số ít; *Ngôn ngữ tuyệt chủng* (Extinct languages): Ngôn ngữ không có người sử dụng.

(⁴) Trong số các bộ dữ liệu của khóa học “Mùa hè Tam Đảo” do Viện Viễn đông bác cổ Pháp phối hợp với các cơ quan, tổ chức nghiên cứu khác (AFC, IRD, AUF) dùng để giảng dạy hàng năm tại Việt Nam mà tác giả tham dự không có dân tộc Chăm trong danh mục các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Đồng bằng Sông Cửu Long.

(⁵) Theo các tài liệu Trung Quốc, Champa đầu tiên có tên gọi là Lâm Ấp (192-758) sau đó có tên là Hoàn Vương (758-886) và cuối cùng là Chiêm Thành (886-1471). Tên gọi Chiêm Thành xuất phát từ địa danh Champapura ở Ấn Độ, có nghĩa là “Kinh thành” (Pura) của người Chăm (Champa). “Champa” lần đầu tiên được tìm thấy trong hai bia ký viết bằng tiếng Phạn. Một tấm được phát hiện ở miền Trung Việt Nam có niên đại năm 658, bia còn lại có niên đại 668 được tìm thấy ở Campuchia (Geetesh. Sharma, 2012, tr. 35).

(⁶) Năm 1990, trong chương trình điều tra ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, nhóm nghiên cứu của

Trung tâm Ngôn ngữ Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ đã sử dụng bảng Suadesh word list loại 100 từ để điều tra từ vựng của nhóm người này thì kết quả là 100 từ thì chỉ có 3 từ sử dụng tiếng Chăm còn lại là 97 từ sử dụng tiếng Khmer.

⁽⁷⁾ Năm 854, vua Indravarman lên ngôi và tại vị cho đến năm 893. Khi quy y Phật giáo, ông đã lập nên một tu viện Phật giáo đó chính là ngôi chùa Phật giáo đầu tiên được xây dựng vào năm 875 trên đất Champa. Đó chính là ngôi chùa Đồng Dương ở Quảng Nam.

⁽⁸⁾ Theo các kết quả nghiên cứu thì tiếng Chăm vùng Ninh Thuận, Bình Thuận chỉ còn 34,1% đa tiết, trong khi đó tiếng Chăm Nam Bộ chiếm 59,1% đa tiết. Điều này là do mức độ tương tác giữa tiếng Chăm và tiếng Việt ở mỗi vùng khác nhau (Nguyễn Văn Khang. 2012. tr. 5).

⁽⁹⁾ Bini là một ngôn ngữ của một tộc người thuộc nhánh semetic của họ Phi-Á vùng Bắc Phi (M. Paul Levis, 2009, tr. 27).

⁽¹⁰⁾ Năm 1995, Sở Giáo dục-Đào tạo tỉnh Tây Ninh thực hiện đề tài Biên dịch sách song ngữ Việt-Chăm Nam Bộ do Trần Phúc Lưu làm chủ nhiệm có sự giúp đỡ của Ban Đại diện cộng đồng Hồi giáo TPHCM, Ban bảo trợ văn hóa Chăm TPHCM, Viện Khoa học Xã hội tại TPHCM và các cố vấn về tiếng Chăm ở An Giang và Tây Ninh thực hiện, nhưng cho đến nay vẫn chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, vì thế vẫn chưa được đưa vào sử dụng giảng dạy một cách chính thức ở Nam Bộ.

^{(10), (11)} Tại An Giang hiện chỉ có 2 lớp thí điểm tại 2 trường tiểu học: D Khánh Hòa (Châu Phú) và A Phú Hiệp (Phú Tân).

⁽¹²⁾ Qua đợt khảo sát về tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Chăm trong đời sống xã hội, tháng 12 năm 2011 tại xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang có tới 85% người dân biết nói mà không biết viết chữ Chăm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Geetesh, Sharma. 2012. *Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
2. <http://khaocoviet.forum-viet.net/t454-topic>.
3. <http://btgcp.gov.vn>.
4. Ngô Văn Lệ và các cộng sự. 2006. *Biến đổi kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng người Chăm và Khmer tại TPHCM*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
5. Nguyễn Văn Khang. 2012. *Một số vấn đề về đời sống tiếng Chăm ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Ngôn Ngữ. Số 1.
6. Phú Văn Hãn. 2003. *Cơ cấu ngữ âm và chữ viết tiếng Chăm Việt Nam và tiếng Melayu*. Luận án tiến sĩ Ngữ văn 2003.
7. Phú Văn Hãn. 2005. *Đời sống văn hóa xã hội người Chăm ở TPHCM*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
8. Thành Phú Trẻ. 1996. *Kiến trúc-trang phục-ăn uống của dân tộc Chăm Ninh Thuận và Bình Thuận*. Khoa Đông Nam Á học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
9. Trần Trí Dõi. 1999. *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Trương Hiếu Mai (Chủ biên). 1995. *Thành ngữ Chăm Ninh Thuận, Bình Thuận*. Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm, Sở Văn hóa và Thông tin Ninh Thuận.
11. Thập Liên Trường. 1996. *Ngữ âm tiếng Chăm hiện đại - sự tương quan với các tộc người cùng ngữ hệ*. Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo văn học Chăm.
12. Nguyễn Đức Tồn. 2010. *Những cơ sở lý luận và thực tiễn khi xây dựng chính sách ngôn ngữ của Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam. Số 1.